TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2021/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 01 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 16/2021/TLST-VDS ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1991. Địa chỉ: Bản A, xã D, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Chị Lò Thị B1, sinh năm 1992. Địa chỉ: Bản A, xã D, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Hoàng Văn B và chị Lò Thị B1 kết hôn với nhau từ năm 2010 trên cơ sở tự nguyện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc. Anh B, chị B1 đăng ký kết hôn ngày 01/11/2010 tại UBND xã D, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La và được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị có nhiều bất đồng trong quan điểm, lối sống. Anh B, chị B1 đều nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa hai bên. Tại phiên hòa giải, anh B, chị B1 vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh B và chị B1.

[2] Về con chung: Anh B, chị B1 có 02 con chung là cháu Hoàng Nguyên V, sinh ngày 27/6/2011 và cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 14/02/2015. Anh B, chị B1 thống nhất giao cháu Hoàng Nguyên V cho anh B, giao cháu Hoàng Anh T cho chị B1 là người trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu V, T trưởng thành đủ 18 tuổi; anh B, chị B1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung của hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh B, chị B1 xác nhận đã tự thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản, nợ chung vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí tòa án: Anh Hoàng Văn B tự nguyện nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn B và chị Lò Thị B1 nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh B, chị B1 có 02 con chung là cháu Hoàng Nguyên V, sinh ngày 27/6/2011 và cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 14/02/2015. Anh B, chị B1 thống nhất giao cháu Hoàng Nguyên V cho anh B, giao cháu Hoàng Anh T cho chị B1 là người trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu V, T trưởng thành đủ 18 tuổi; anh B, chị B1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, anh B, chị B1 được quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh B, chị B1 xác nhận đã tự thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản, nợ chung vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Hoàng Văn B tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0001212 ngày 06 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã D, huyện Mai Sơn;
- Tòa án nhân dân tỉnh sơn la;
- Các đương sự:
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Tráng A Tếnh